

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình  
Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5312/TTr-SGTVT ngày 26/10/2021 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 5311/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2021; của Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 387/TTr-BQLDA ngày 7/10/2021 và hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn với nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi các thôn thuộc xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống và từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn, thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững cho người Mông của bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

**5. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:** Đầu tư xây dựng 0,48km đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380-2014.

#### **6. Giải pháp thiết kế:**

a) Bình đồ tuyến: Hướng tuyến cơ bản bám theo tim đường cũ, cải dịch cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường và cải thiện tầm nhìn; chiều dài  $L=480,06$ ; điểm đầu Km0+00 tại ngã ba đường bê tông gần nhà ông Thao Văn Kỳ; điểm cuối Km0+480,06 gần trường mầm non bản Ché Lầu. Toàn số có 14 đỉnh cong, bán kính cong nhỏ nhất  $R_{\min}=10m$ .

b) Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở cao độ đường cũ; đào, đắp cục bộ một số vị trí để cải thiện dốc dọc và đảm bảo độ êm thuận xe chạy, độ dốc dọc lớn nhất  $I_{\max}=13,25\%$

c) Mặt cắt ngang: Chiều rộng nền đường  $B_n=4,0m$ , chiều rộng mặt đường  $B_m=3,0m$ , chiều rộng lề đất  $B_{l\grave{e}}=2 \times 0,5=1,0m$ ; độ dốc ngang mặt đường  $i_{\text{mặt}}=2\%$ , lề đường  $i_{\text{l\grave{e}}}=4\%$ .

d) Mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm trên lớp nilon chống mất nước.

đ) Nền đường:

- Nền đắp: Bằng đất đào tận dụng, đầm lèn đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ ; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy nền đào 1/0,75.

e) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: Bằng chảy toả và rãnh dọc; rãnh dọc gia cố bằng BTXM M150 dày 15cm dài 392,54m.

- Thoát nước ngang: Tận dụng 02 công cũ còn tốt; xây dựng mới 03 công bản cống khẩu độ 1,0m. Cầu tạo bằng bê tông và bê tông cốt thép.

f) An toàn giao thông: Bố trí 04 biển báo, gồm: 01 biển W.219 “dốc xuống nguy hiểm”, 01 biển W.220 “dốc lên nguy hiểm” và 02 biển W.202a “nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp” theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT

*(chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh - tế kỹ thuật).*

**7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nghi Sơn.

**8. Địa điểm xây dựng:** Xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm C, Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

**10. Số bước thiết kế:** 01 bước (lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

**11. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:** Theo báo cáo kết quả thẩm định số 5311/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2021 của Sở Giao thông vận tải.

**12. Tổng mức đầu tư: 1.122.892.000 đồng** (Một tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- |                                   |             |       |
|-----------------------------------|-------------|-------|
| - Chi phí xây dựng:               | 938.936.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 25.812.000  | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 116.323.000 | đồng; |
| - Chi phí khác:                   | 6.305.000   | đồng; |
| - Dự phòng:                       | 35.516.000  | đồng. |

(chi tiết có phụ biểu kèm theo).

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2021-2022.

**14. Nguồn vốn:** Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**16. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng:** Thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 2.** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (H'57.130, 57.131).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ****Công trình: Đường giao thông nội bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

| STT        | NỘI DUNG CHI PHÍ                       | Tỷ lệ %      | CÁCH TÍNH                                 | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ   | THUẾ GTGT         | GIÁ TRỊ SAU THUẾ     |
|------------|--|--------------|---|----------------------|-------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chi phí xây dựng</b>                |              |   | <b>853.578.001</b>   | <b>85.357.800</b> | <b>938.936.000</b>   |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>           | 3,024%       | Gxdtt x tỷ lệ                             | <b>25.812.199</b>    |                   | <b>25.812.000</b>    |
| <b>III</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>  |              |   | <b>105.929.847</b>   | <b>10.392.984</b> | <b>116.323.000</b>   |
| 1          | Chi phí khảo sát, lập Báo cáo KT-KT    |              | Theo quyết định 44/QĐ-QLDA ngày 20/9/2021 | 73.636.364           | 7.363.636         | 81.000.000           |
| 2          | Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX        | 0,346%       | Gxdtt x tỷ lệ                             | 2.953.380            | 295.338           | 3.248.718            |
| 3          | Chi phí giám sát thi công xây dựng     | 3,203%       | Gxdtt x tỷ lệ                             | 27.340.103           | 2.734.010         | 30.074.113           |
| 4          | Chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu        |              | Mức tối thiểu                             | 1.000.000            |                   | 1.000.000            |
| 5          | Chi phí thẩm định kết quả LCNT         |              | Mức tối thiểu                             | 1.000.000            |                   | 1.000.000            |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí khác</b>                    |              |   | <b>6.304.718</b>     |                   | <b>6.305.000</b>     |
| 1          | Phí thẩm định Báo cáo KT-KT            | 0,019%       | TMĐT x tỷ lệ x 0,5                        | 106.675              |                   | 106.675              |
| 2          | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 0,57%        | (TMĐT-DP) x tỷ lệ                         | 6.198.043            |                   | 6.198.043            |
| <b>V</b>   | <b>Chi phí dự phòng</b>                | <b>3,27%</b> | (I+II+III+IV)                             | <b>32.287.273</b>    | <b>3.228.727</b>  | <b>35.516.000</b>    |
|            | <b>Tổng cộng (làm tròn)</b>            |              | <b>(I+II+III+IV+V)</b>                    | <b>1.023.912.037</b> | <b>98.979.512</b> | <b>1.122.892.000</b> |